

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

Số: **271** /GPMT-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Tháp, ngày **12** tháng **12** năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Xét đề nghị của Trung tâm Y tế khu vực Tân Phước tại Công văn số 122/TTYTKVTP-TCHC ngày 04 tháng 08 năm 2025, Công văn số 855/TTYTKVTP-TCHC ngày 26 tháng 11 năm 2025 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 8296/TTr-SNN&MT ngày 08 tháng 12 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Trung tâm Y tế khu vực Tân Phước, địa chỉ: ấp 4, xã Tân Phước 1, tỉnh Đồng Tháp được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở Trung tâm Y tế khu vực Tân Phước tại: ấp 4, xã Tân Phước 1, tỉnh Đồng Tháp với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở

- a) Tên cơ sở: Trung tâm Y tế khu vực Tân Phước.
- b) Địa điểm hoạt động: ấp 4, xã Tân Phước 1, tỉnh Đồng Tháp.
- c) Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh số 01225/ĐT-GPHĐ do Sở Y tế tỉnh Đồng Tháp cấp.
- d) Mã số thuế: 1200338253.

đ) Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: khám, chữa bệnh và điều trị ngoại trú, nội trú.

e) Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Diện tích: 23.663,7 m².

- Cơ sở có tiêu chí môi trường tương đương dự án đầu tư nhóm III theo quy định Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

- Công suất: 70 giường bệnh

- Quy trình hoạt động:

+ Quy trình khám bệnh có bảo hiểm y tế:

Quầy tiếp nhận bệnh → bàn nhận bệnh đo dấu hiệu sinh tồn → khám lâm sàng → xét nghiệm – cận lâm sàng → khám lâm sàng → quầy thu viện phí → nhận thuốc tại quầy cấp thuốc bảo hiểm y tế → bệnh nhân ra về.

+ Quy trình khám bệnh không bảo hiểm y tế:

Quầy tiếp nhận bệnh → quầy thu viện phí → bàn nhận bệnh đo dấu hiệu sinh tồn → khám lâm sàng → chỉ định xét nghiệm – cận lâm sàng → quầy thu viện phí → xét nghiệm – cận lâm sàng → khám lâm sàng (toa thuốc/ nhập viện) → quầy thu viện phí/điều trị nội trú → nhận thuốc tại quầy thuốc → bệnh nhân ra về.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường

a) Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

b) Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

c) Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Trung tâm Y tế khu vực Tân Phước được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Trung tâm Y tế khu vực Tân Phước có trách nhiệm:

a) Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

b) Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng

ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

c) Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

d) Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

đ) Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (kể từ ngày Giấy phép môi trường này được ký ban hành).

Điều 4. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật. / *muon*

Nơi nhận:

- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Sở Y tế;
- UBND xã Tân Phước 1;
- Trung tâm Y tế khu vực Tân Phước;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- VPUB; CVP, các PCVP,
- Các Phòng nghiên cứu;
- Lưu: VT, Nguyên.

4

KT. CHỦ TỊCH *moai*
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thành Diệu

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI
THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 271 /GPMT-UBND
ngày 12 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 1: nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của nhân viên làm việc tại Trung tâm, người bệnh nội trú và khám ngoại trú, thân nhân người bệnh; nước thải căn tin, giặt giũ.

- Nguồn số 2: nước thải phát sinh từ hoạt động y tế.

2. Dòng nước thải đầu nối vào nguồn tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải

- Nguồn tiếp nhận nước thải: kênh Nguyễn Văn Tiếp, thuộc địa bàn ấp 4, xã Tân Phước 1, tỉnh Đồng Tháp.

- Vị trí xả nước thải: X = 1158519, Y = 0629552 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°, múi chiều 3°).

- Lưu lượng xả thải lớn nhất: 65 m³/ngày.đêm.

- Phương thức xả nước thải: tự chảy.

- Chế độ xả thải: liên tục (24/24 giờ).

- Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 28:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế (cột A, hệ số K=1,2) và QCVN 40:2025/BTNMT

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột A Bảng 1 với F ≤ 2.000 m³/ngày và cột A Bảng 2), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
I	Kể từ thời điểm cấp Giấy phép môi trường đến hết ngày 31/12/2031 (tương ứng QCVN 28:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế cột A, hệ số K=1,2)				
1	pH	-	6,5-8,5	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	BOD ₅	mg/l	36		
3	COD	mg/l	60		
4	TSS	mg/l	60		

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	1,2		
6	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/l	6		
7	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)	mg/l	36		
8	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	12		
9	Phosphat (PO ₄ ³⁻ tính theo P)	mg/l	7,2		
10	Coliform	MPN/100ml	3.000		
11	Salmonella	Vi khuẩn /100ml	KPH		
12	Shigella	Vi khuẩn /100ml	KPH		
13	Vibrio cholerae	Vi khuẩn /100ml	KPH		
II	Kể từ ngày 01/01/2032 đến hết thời hạn của Giấy phép môi trường (tương ứng QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột A Bảng 1 với F ≤ 2.000 m ³ /ngày và cột A Bảng 2)				
1	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/L	≤ 40	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	COD	mg/L	≤ 65		
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	≤ 40		
4	pH	-	6-9		
5	Tổng Nitơ (T-N)	mg/L	≤ 20		
6	Tổng Phốt pho (T-P)	mg/L	≤ 8,0		
7	Tổng Coliform	MPN hoặc CFU/100mL	≤ 3.000		
8	Amoni (N-NH ₄ ⁺), tính theo N	mg/L	≤ 5,0		

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
9	Chất hoạt động bề mặt anion	mg/L	$\leq 3,0$		
10	Dầu mỡ động thực vật	mg/L	$\leq 5,0$		
11	Sunfua (S^{2-})	mg/L	$\leq 0,2$		
12	Clo dư	mg/L	$\leq 1,0$		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

a) Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt → Bể tự hoại 3 ngăn → Hệ thống xử lý nước thải, công suất 65 m³/ngày đêm.

- Nước thải từ căn tin → Hệ thống thu gom (hố ga, đường ống thu gom) → Hệ thống xử lý nước thải, công suất 65 m³/ngày đêm.

- Nước thải giặt giũ → Hệ thống thu gom → Hệ thống xử lý nước thải, công suất 65 m³/ngày đêm.

- Nước thải phát sinh từ hoạt động y tế → Hệ thống thu gom → Hệ thống xử lý nước thải, công suất 65 m³/ngày đêm.

b) Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Hệ thống xử lý nước thải, công suất 65 m³/ngày đêm:

+ Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → Hố thu gom → Bể tiếp nhận và tách dầu → Bể điều hòa → Bể thiếu khí Anoxic → Bể sinh học hiếu khí tiếp xúc → Lọc MBR → Nguồn tiếp nhận.

+ Công suất thiết kế: 65 m³/ngày đêm.

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: Javen.

c) Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Cơ sở không thuộc đối tượng phải quan trắc liên tục, tự động theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại khoản 46 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

d) Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên kiểm tra đường ống, thiết bị, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn.
- Bố trí nhân viên kỹ thuật vận hành các hệ thống xử lý nước thải và ghi chép vào sổ nhật ký vận hành hàng ngày.
- Đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng quy trình vận hành đã xây dựng.
- Thường xuyên theo dõi hoạt động của các bể tự hoại, cụm bể xử lý.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Hệ thống xử lý nước thải không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm theo quy định điểm h khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại mục A phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.
- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.
- Trung tâm Y tế khu vực Tân Phước chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục./.

Phụ lục 2
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ
SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 271 /GPMT-UBND
ngày 12 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chứng loại, khối lượng chất thải phát sinh

a) Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Trạng thái	Khối lượng (kg/năm)
I	Chất thải nguy hại lây nhiễm			5.000
1.	Chất thải lây nhiễm (bao gồm chất thải sắc nhọn, không sắc nhọn, chất thải giải phẫu)	13 01 01	Rắn/lỏng	5.000
II	Chất thải nguy hại không lây nhiễm			5.400
1.	Dược phẩm gây độc tế bào	13 01 03	Rắn	100
2.	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	Rắn	200
3.	Ắc quy chì thải bỏ	16 01 12	Rắn	50
4.	Hoá chất thải nguy hại từ phòng xét nghiệm (máy sinh hoá, huyết học)	19 05 02	Lỏng	5.000
5.	Thiết bị y tế bị vỡ, hỏng, đã qua sử dụng thải bỏ có chứa thủy ngân, cadimi	13 03 02	Rắn	50
III	Chất thải nguy hại khác (chất thải phải kiểm soát)			1.300
1.	Hộp chứa mực in thải	08 02 04	Rắn	200
2.	Bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải	12 06 05	Bùn	1.000
3.	Các loại dầu mỡ thải	16 01 08	Lỏng	100

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Trạng thái	Khối lượng (kg/năm)
Tổng khối lượng				11.700

b) Khối lượng, chủng loại chất thải rắn y tế thông thường phát sinh khoảng 500 kg/năm.

c) Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: khoảng 72 tấn/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

a) Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại và kiểm soát:

- Việc lưu giữ chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế thực hiện theo quy định tại Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ Y tế quy định về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế.

- Diện tích khu vực lưu chứa: bố trí 01 kho lưu chứa chất thải nguy hại, diện tích 30 m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho: Mái tole, có cửa kéo bằng sắt để lưu giữ các loại chất thải, có vách ngăn bằng tường và tole, mặt bằng được lót gạch và tráng xi măng bằng phẳng chống thấm xử lý theo quy định.

- Kho lưu chứa, thiết bị lưu chứa và thời gian lưu giữ chất thải y tế nguy hại, chất thải nguy hại khác thực hiện theo quy định tại Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ Y tế, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

b) Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải y tế thông thường:

- Diện tích khu vực lưu chứa: 09 m².

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: được bố trí riêng biệt với các khu vực khác có máy tôn được tráng xi măng bằng phẳng, chống thấm và có gắn bảng tên khu vực tập kết chất thải y tế thông thường theo đúng quy định.

c) Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu chứa:

+ Bố trí 09 thùng rác có nắp đậy loại 240 lít, 05 thùng rác có nắp đậy loại 120 lít tại khu vực lưu chứa.

- Diện tích khu vực lưu chứa: 09 m².

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: được bố trí riêng biệt với các khu vực khác có máy tôn được tráng xi măng bằng phẳng, chống thấm và có gắn bảng tên khu vực tập kết chất thải sinh hoạt theo đúng quy định.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Sự cố cháy nổ: phải thực hiện các biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ theo quy định.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này./.

Phụ lục 3
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số **271**/GPMT-UBND
ngày **12** tháng **12** năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

- A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:** không
- B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:** không
- C. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG/GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG:** không

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo cơ quan cấp giấy phép xem xét, giải quyết.
2. Thực hiện đúng quy định về vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của cơ sở theo quy định tại Điều 46 Luật Bảo vệ môi trường.
3. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường.
4. Công khai Giấy phép môi trường theo quy định pháp luật, trừ các thông tin thuộc bí mật nhà nước, bí mật của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.
5. Cung cấp các thông tin có liên quan theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong quá trình kiểm tra, thanh tra.
6. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường theo quy định.
7. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, an toàn sự cố, phòng cháy chữa cháy,.../.